TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 03/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hải Dương – Bí thư Đoàn xã Xuân Quan.
2. Ông Nguyễn Quyết Thắng – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 24/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 13/02/2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/2025/TB-TA ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, đối với bị cáo:

Nông Trường G, sinh ngày 26/02/2007; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: xóm L, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nông Văn S và con bà Nguyễn Thị Hải H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị tạm giữ từ ngày 12/12/2024 đến ngày 15/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; hiện đang tại ngoại. *Có mặt*

Người bị hại: Anh Ngô Văn T, sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

Người đại diện hợp pháp và là người bào chữa cho bị cáo G: Anh Nông Văn S, sinh năm 1980 (Bố đẻ của bị cáo); Địa chỉ: xóm L, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. *Có mặt*

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Thế V, sinh năm 2008; Địa chỉ: thôn C, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. *Vắng mặt*

2. Cháu Nguyễn Hà Minh S1, sinh năm 2009;

3. Anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1980 (bố đẻ, người giám hộ của cháu S1);

Đ cùng địa chỉ: thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. *(Đều vắng mặt tại phiên tòa)*

4. Cháu Lê Thị Khánh H2, sinh ngày 24/9/2008;

Người giám hộ: Chị Cao Thị H3, sinh năm 1987 (mẹ đẻ của cháu H2);

Đ cùng địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. *Đều vắng mặt*

5. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

Người làm chứng trong vụ án: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 22/11/2024, Nông Trường G, sinh ngày 26/02/2007; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (HKTT) tại: xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên đã bỏ nhà, đi chơi với bạn ở xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Sau đó, G đi đến quán I, B-a có tên là HT89 tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên để chơi điện tử thì gặp và làm quen với anh Ngô Anh T2, sinh năm 2003, HKTT tại: xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình nói chuyện, G trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên được anh T2 nạp tiền cho chơi điện tử và G được ngủ lại tại quán HT89. Sau khi tạo được lòng tin với anh T2, thì G đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh T2 để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/11/2024, khi anh T2 đang chơi Bi-a tại quán HT89, G đã nói dối, bằng việc hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 89L1-397.80 của anh T2 để đi ra chợ V1 mua đồ ăn. Anh T2 đồng ý, bảo G đi ra cửa sổ của quán lấy chìa khóa xe trong túi áo khoác của anh T2. G lấy chìa khóa xe và đi xuống tầng hầm là nơi để xe, mở khóa, điều khiển xe mô tô của T2 đi tìm nơi bán xe. Trên đường đi, G dừng lại mở cốp xe ra, để tìm tài sản và giấy tờ xe nhưng không có. Do không có giấy tờ xe, nghĩ không thể bán được nên G đã giữ xe lại để làm phương tiện đi lại. G điều khiển xe đi đến thành phố Hải Phòng, rồi liên hệ với bạn là anh Bùi Thế V, sinh ngày 30/5/2008, HKTT: thôn C, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, nhờ tìm hộ việc làm. Anh V đưa G đến chỗ mình đang làm việc tại quán rửa xe “H" thuộc thôn G, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (của anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1980, thường trú tại thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng) và xin anh H1 cho G làm việc tại đây. Trong quá trình làm việc tại quán rửa xe của anh H1, G vẫn sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi lại hằng ngày. Sau đó, G mang xe mô tô trên đến một cửa hàng (không rõ địa chỉ) độ Pô xe và dán đề can lên thân xe để thay đổi hình dạng, tránh bị phát hiện.

Ngày 24/11/2024, không thấy G mang trả xe, anh T2 đã nhắn tin vào tài khoản Mesenger "Minh A" của G để đòi xe. G đọc được tin nhắn nhưng không trả lời và cũng không trả lại xe cho anh T2. Đến ngày 10/12/2024, anh T2 đã trình báo Công an xã V. Công an xã V đã tiến hành xác minh và phát hiện G đã mang xe mô tô của anh T2 đến quán rửa xe của anh H1 ở xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Ngày 12/12/2024, Nông Trường G đã đến Công an xã V đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 89L1-397.80. Cùng ngày, Công an xã V chuyển hồ sơ vụ việc và vật chứng có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan CSĐT đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 95/BKL-ĐGTS ngày 17/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 89L1-397.80 trị giá 22.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vision, biển số 89L1-397.80, đăng ký mang tên bố của anh T2 là ông Ngô Văn L, sinh năm 1978, thường trú tại xã T, huyện V. Anh T2 được ông L giao xe để sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 23/12/2024, Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh T2. Anh T2 và ông L đều không có yêu cầu gì đối với việc xe mô tô bị G độ Pô và dán đề can trên thân xe.

Cáo trạng số 17/CT-VKSVG ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nông Trường G về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Trường G phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nông Trường G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, được trừ đi 03 ngày bị tạm giữ từ ngày 12/12/2024 đến ngày 15/12/2024; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Nông Trường G đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp và là người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm luận tội và đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa.

- Không ai có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải, xin được cải tạo tại địa phương và không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa: Vắng mặt người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 24/11/2024, tại quán Internet, B-a HT89 thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nông Trường G đã có hành vi gian dối, hỏi mượn anh Ngô Anh T2 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 89L1-397.80, trị giá 22.000.000 đồng để đi chợ mua đồ ăn. Nhưng sau khi được anh T2 giao xe, G không đi chợ mà đi tìm

nơi bán xe, vì xe không có giấy tờ nên không bán được. G đã đi xe đến xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thay đổi hình dạng xe để tránh bị phát hiện và dùng làm phương tiện đi lại cá nhân, không trả lại cho anh T2.

Với hành vi nêu trên của Nông Trường G đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố Nông Trường G theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 17/CT-VKSVG ngày 22/01/2025 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

4.1.Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chịu tu dưỡng rền luyện bản thân.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích; người bị hại cũng đã nhiều lần đòi lại tài sản nhưng bị cáo cố tình không trả, chỉ đến khi Cơ quan điều tra phát hiện, bị cáo mới giao nộp lại tài sản đã chiếm đoạt nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án và Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Nông Trường G phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Xử phạt: Nông Trường G 01 *(một)* năm tù, trừ đi 03 ngày G bị tạm giữ (từ ngày 12/12/2024 đến ngày 15/12/2024), còn lại Nông Trường G phải chấp hành hình phạt là 11 *(mười một)* tháng 27 *(hai mươi bẩy)* ngày tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Nông Trường G đi chấp hành hình phạt.

2. Về án phí: Buộc Nông Trường G phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/3/2025). Bị hại *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS, CA, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã: Trưng Trắc, Đồng Than, La Hiên, Ngũ lão, Tân Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Huấn